

Số: ~~40~~ 55 /ĐHYD

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 12 năm 2019

V/v khảo sát tình hình việc làm của
sinh viên tốt nghiệp năm 2018

Kính gửi: - Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Đại học Huế

Thực hiện công văn số 3943/BGDĐT-GDDH ngày 31/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và công văn số 1429/ĐHH-CTHSSV ngày 14/10/2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc báo cáo về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế đã tiến hành khảo sát tình hình việc làm của sinh viên hệ chính quy tốt nghiệp năm 2018. Nhà trường kính báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Huế một số kết quả khảo sát như sau:

1. Phương pháp và quy trình khảo sát

1.1. Đối tượng khảo sát

- Toàn bộ sinh viên hệ chính quy của tất cả 09 ngành đào tạo đã tốt nghiệp năm 2018 bao gồm: Y khoa, Răng hàm mặt, Y học dự phòng, Y học cổ truyền, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật xét nghiệm y học và Y tế công cộng.

- Cơ sở dữ liệu của tất cả sinh viên tốt nghiệp đều được lưu trữ tại Phòng Công tác Sinh viên (họ tên, tuổi, giới, ngành học, hộ khẩu thường trú, điện thoại, email ...)

1.2. Công cụ khảo sát

Căn cứ hướng dẫn tại công văn số 3943/BGDĐT-GDDH ngày 31/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường xây dựng bộ câu hỏi khảo sát gồm các thông tin cá nhân (họ tên, tuổi, giới, ngành học, điện thoại, email ...), thông tin về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2018 (đính kèm mẫu phiếu khảo sát).

1.3. Phương pháp thu thập thông tin

- Lập danh sách cựu sinh viên có đầy đủ thông tin (họ tên, tuổi, giới, ngành học, hộ khẩu thường trú, điện thoại, email ...) được lưu trữ tại cơ sở dữ liệu của Nhà trường.

- Gửi đường link khảo sát trực tuyến và bản hướng dẫn phản hồi đến cựu sinh viên qua địa chỉ email cá nhân. Đối với những cựu sinh viên không trả lời phiếu qua kênh khảo sát trực tuyến, Nhà trường thành lập một nhóm sinh viên tình nguyện để tiến hành phỏng vấn qua điện thoại. Trước khi tiến hành phỏng vấn, nhóm sinh viên tình nguyện được Nhà trường tập huấn kỹ lưỡng về kỹ năng phỏng vấn và phương pháp thu thập thông tin. Sau đó, sinh viên tình nguyện phỏng vấn từng cựu sinh viên trong danh sách mẫu qua điện thoại và điền thông tin vào phiếu khảo sát. Mỗi cựu sinh viên có 01 phiếu khảo sát.

1.4. Xử lý số liệu: Số liệu được nhập và xử lý bằng Microsoft Excel 2010 và SPSS 20



2. Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2018

2.1. Tỷ lệ sinh viên tham gia khảo sát

Bảng 1. Số lượng sinh viên tham gia khảo sát

Thông tin Ngành đào tạo	Số SV tốt nghiệp năm 2018 (1)	SLSV phản hồi (2)	SLSV không liên lạc được (3)	SLSV không đồng ý tham gia (4)	Tỷ lệ phản hồi $(\frac{2}{1-3})$
Y khoa	1078	742	311	25	96,7
Răng hàm mặt	90	47	42	1	97,9
Y học dự phòng	125	86	36	3	96,6
Y học cổ truyền	48	31	16	1	96,9
Dược học	152	66	80	6	91,7
Điều dưỡng	98	55	38	5	91,7
Kỹ thuật xét nghiệm y học	78	53	19	6	89,8
Kỹ thuật hình ảnh y học	38	31	6	1	96,9
Y tế công cộng	41	30	9	2	93,8
Tổng cộng	1748	1141	557	50	95,8

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên phản hồi là 95,8%.

2.2. Tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Bảng 2. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp

Tình trạng việc làm Ngành đào tạo	Tổng số SV tốt nghiệp	Tổng số SV tốt nghiệp phản hồi	Có việc làm (1)		Chưa có việc làm (2)		Đang học nâng cao nên chưa tìm việc làm (3)		Tỷ lệ SVTN có việc làm (1+3)	
			n	%	n	%	n	%	n	%
Y khoa	1078	742	656	88,5	9	1,1	77	10,4	733	98,9
Răng hàm mặt	90	47	43	91,5	1	2,1	3	6,4	46	97,9
Y học dự phòng	125	86	77	89,5	8	9,3	1	1,2	78	90,7
Y học cổ truyền	48	31	26	83,9	1	3,2	4	12,9	30	96,8
Dược học	152	66	62	93,9	3	4,5	1	1,5	63	95,4
Điều dưỡng	98	55	53	96,4	2	3,6	0	0,0	53	96,4
Kỹ thuật xét nghiệm y học	78	53	45	84,9	5	9,4	3	5,7	48	90,6
Kỹ thuật hình ảnh y học	38	31	30	96,8	0	0,0	1	3,2	31	100
Y tế công cộng	41	30	24	80,0	5	16,7	1	3,3	25	83,3
Tổng cộng	1748	1141	1016	89,1	34	2,9	91	8,0	1107	97,1

Nhận xét: Hầu hết các ngành có tỷ lệ việc làm cao chiếm trên 90%. Một số ngành có tỷ lệ việc làm rất cao dao động từ 95-100% như Y khoa, Răng hàm mặt, Y học cổ truyền, Dược, Điều dưỡng, Kỹ thuật hình ảnh y học.

2.3. Khu vực làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Bảng 3. Phân bố khu vực làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Ngành đào tạo	Khu vực nhà nước		Khu vực tư nhân		Tự tạo việc làm		Có yếu tố nước ngoài	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Y khoa	567	86,4	87	13,3	0	0,0	2	0,3
Răng hàm mặt	16	37,2	26	60,5	0	0,0	1	2,3
Y học dự phòng	72	93,5	3	3,9	0	0,0	2	2,6
Y học cổ truyền	19	73,1	7	26,9	0	0,0	0	0,0
Dược học	11	17,7	35	56,5	0	0,0	16	25,8
Điều dưỡng	28	52,8	20	37,7	0	0,0	5	9,4
Kỹ thuật xét nghiệm y học	18	40,0	27	60,0	0	0,0	0	0,0
Kỹ thuật hình ảnh y học	13	43,3	17	56,7	0	0,0	0	0,0
Y tế công cộng	12	50,0	12	50,0	0	0,0	0	0,0
Tổng cộng	756	74,4	234	23,0	0	0,0	26	2,6

Nhận xét: Sinh viên làm việc trong khu vực Nhà nước chiếm gần 75%. Các ngành có tỷ lệ làm việc ở khu vực tư nhân cao dao động từ gần 40%-60% bao gồm Răng hàm mặt, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Y tế công cộng. Riêng ngành Dược học có gần 1/3 sinh viên tốt nghiệp làm việc trong các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài.

2.4. Tình trạng làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Bảng 4. Phân bố tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Ngành đào tạo	Tình trạng việc làm	Tổng số sinh viên có việc làm	Đúng chuyên ngành đào tạo		Liên quan đến ngành đào tạo		Không liên quan	
			n	%	n	%	n	%
Y khoa		656	656	100,0	0	0	0	0
Răng hàm mặt		43	43	100,0	0	0	0	0
Y học dự phòng		77	70	90,9	5	6,5	2	2,6
Y học cổ truyền		26	26	100,0	0	0	0	0
Dược học		62	60	96,8	0	0	2	3,2
Điều dưỡng		53	45	84,9	4	7,5	4	7,6
Kỹ thuật xét nghiệm y học		45	44	97,8	1	2,2	0	0
Kỹ thuật hình ảnh y học		30	27	90,0	2	6,7	1	3,3
Y tế công cộng		24	19	79,2	3	12,5	2	8,3
Tổng cộng		1016	990	97,4	15	1,4	11	1,2

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên làm việc đúng chuyên ngành đào tạo/liên quan đến ngành đào tạo chiếm tỷ lệ rất cao, chiếm 98,8%. Một số ngành có tỷ lệ làm việc đúng chuyên ngành rất cao dao động từ 96-100% như Y khoa, Răng hàm mặt, Y học cổ truyền, Dược, Kỹ thuật xét nghiệm y học.

3. Khó khăn, kiến nghị trong quá trình khảo sát

3.1. Khó khăn

Sau khi ra trường, nhiều sinh viên thay đổi thông tin liên lạc như số điện thoại và email nên việc kết nối và liên lạc với cựu sinh viên để thu thập thông tin phản hồi còn gặp rất nhiều khó khăn. Do đó, Nhà trường đang tiến hành cập nhật bổ sung các thông tin cá nhân của cựu sinh viên thông qua đầu mối là Ban cán sự các lớp.

3.2. Kiến nghị

- Do số lượng cựu sinh viên tốt nghiệp một số ngành khá lớn nên việc khảo sát toàn bộ sinh viên tốt nghiệp ra trường còn gặp khó khăn, Nhà trường đề xuất áp dụng phương pháp chọn mẫu tầng theo tỷ lệ gồm 2 giai đoạn để phục vụ công tác khảo sát:

- Giai đoạn 1: Phân tầng theo ngành đào tạo và theo hộ khẩu thường trú (tỉnh).
- Giai đoạn 2: Tiến hành chọn mẫu ngẫu nhiên theo tỷ lệ đối với từng ngành theo tỉnh *huy*

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám hiệu;
- Phòng TCHC, KT-ĐBCLGD, ĐTDH;
- Lưu VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy